

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v Thừa kế tài sản và QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2019 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2019/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Băng Giang – Văn phòng Luật sư Băng Giang thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Võ Văn D, sinh năm 1959 (có mặt).

2.2. Võ Văn G, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Võ Thị T, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.2. Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3.3. Võ Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3.4. Võ Thị Thu H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

3.5. Võ Thị Thu X, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3.6. Lê Thị L, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3.7. Võ Hồng K, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

3.8. Võ Hồng N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3.9. Võ Hồng L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3.10. Võ Hồng T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3.11. Võ Hồng Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3.12. Võ Hồng S, sinh năm 1990 (vắng mặt).

3.13. Huỳnh Thị U, sinh năm 1958 (vắng mặt).

3.14. Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1978 (có mặt).

3.15. Võ Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.16. Lê Thị Kim X, sinh năm 1981 (vắng mặt).

3.17. Võ Thị Yên N, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Võ Thị Yên N: Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1983 và chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1981, là cha mẹ ruột; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp.

3.18. Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

3.19. Lê Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

3.20. Lê Thị Thúy O, sinh năm 1989 (vắng mặt).

3.21. Trần Thị Huệ T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.22. Lê Huỳnh Thị Hồng S, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.23. Lê Trung T, sinh ngày 20/12/2013 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Trung T: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987 và chị Lê Huỳnh Thị Hồng S, sinh năm 1988, là cha mẹ ruột; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, Đồng Tháp, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

3.24. Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

3.25. Võ Minh T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

3.26. Võ Minh Tr, sinh năm 1971 (vắng mặt).

3.27. Võ Minh V, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.28. Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.29. Ngân hàng N Việt Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2018 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị T là nguyên đơn, có chị Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp trình bày:

Cha mẹ của bà T là ông Võ Văn X, sinh năm 1914, chết ngày 01/12/2008 và bà Trần Thị K, sinh năm 1916, chết ngày 06/6/2012. Ông X, bà K chết không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông X, bà K gồm bà Võ Thị T, ông Võ Hồng P (chết ngày 21/7/2004), bà Võ Thị T, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Ngọc L (chết ngày 15/01/2004), bà Võ Thị H, bà Võ Thị Thu H, bà Võ Thị Thu X, ông Võ Văn D.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Hồng P gồm: bà Lê Thị L (vợ ông P) và các con Võ Hồng K, Võ Hồng N, Võ Hồng L, Võ Hồng T, Võ Hồng Đ, Võ Hồng S.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Ngọc L gồm các con Võ Thị Mỹ T, Võ Minh T, Võ Minh Tr, Võ Minh V, Võ Thị Mỹ D.

Di sản của ông X, bà K là diện tích đất 3.642m², đo đạc thực tế 3.564,2m², thuộc thửa 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã M, hiện nay do anh Võ Văn G đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra thì ông X, bà K không còn di sản nào khác. Đối với phần đất này, khoảng năm 1975, cha mẹ có cho bà T một nền nhà có chiều ngang 07m, chiều dài 37m để cất nhà sinh sống nhưng chưa thực hiện thủ tục để bà T được nhà nước công nhận quyền sử dụng. Năm 2008, ông X thực hiện thủ tục tặng cho ông Võ Văn D toàn bộ thửa đất nêu trên, trong đó có phần đất đã cho bà T. Năm 2014, ông D tiếp tục thực hiện thủ tục tặng cho con trai là Võ Văn G thửa đất này mà bà T không hay biết. Nhiều lần anh em trong gia đình yêu cầu ông D và anh G chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha mẹ, nhưng ông D và anh G không đồng ý do đó bà T đã khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay giữa bà T và anh G đã thỏa thuận được nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T yêu cầu được sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế 214,1m² thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã M do anh G đứng tên, đất trong phạm vi mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Bà T thống nhất việc ông X tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D, sau đó ông D tặng cho quyền sử dụng đất cho anh G nên không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông X, bà K nữa mà chỉ yêu cầu về quyền sử dụng đất. Do đó, tại phiên tòa, bà T cũng xin rút yêu cầu về hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn X và ông Võ Văn D vào năm 2008, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Võ Văn D và anh Võ Văn G vào năm 2014 và yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng N Việt Nam với anh Võ Văn G đối với thửa đất tranh chấp.

Tại Tờ kiến nghị ngày 15/3/2019, Bản trình bày ý kiến ngày 12/10/2019, Bản trình bày ý kiến bổ sung ngày 25/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Văn D và anh Võ Văn G là đồng bị đơn thống nhất trình bày:

Ông D và anh G thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà T nêu trên. Ông D và anh G xác định khoảng năm 1975, ông X có cho bà T một phần đất để cất nhà có chiều ngang khoảng 5m, dài 20m. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng bà T có xây cất thêm nên hiện nay bà sử dụng diện tích đo đạc thực tế là 214,1m² theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Tại phiên tòa hôm nay, anh G đồng ý để bà T được quyền sử dụng và được kê khai, đăng ký để nhà nước cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đo đạc thực tế mà bà đang sử dụng là 214,1m² thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã M do anh G đứng tên, đất trong phạm vi mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Thanh T, bà Võ Thị H, bà Võ Thị Thu H,

bà Võ Thị Thu X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Bà T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H và bà X thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà T. Tại phiên tòa hôm nay, bà T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H và bà X thống nhất việc ông X tặng cho quyền sử dụng đất cho ông D, sau đó ông D tặng cho quyền sử dụng đất cho anh G là đúng nên không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông X, bà K nữa. Do đó, nay bà T, bà Thanh T, bà H và bà Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về chia thừa kế tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Lê Thị Ngọc B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị B có cùng ý kiến với ông D và anh G. Chị B xác định quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản riêng của anh G, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh G có toàn quyền định đoạt. Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Tại phiên tòa, giữa bà T và anh G đã thỏa thuận được về việc bà T được quyền sử dụng diện tích đất như bà yêu cầu, việc thỏa thuận như trên là phù hợp, đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Đối với các yêu cầu khác thì bà T đã rút nên đề nghị đình chỉ xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 234 Bộ luật dân sự 2015, Điều 95, 100 và 203 Luật đất đai 2013, Điều 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và đình chỉ xét xử với những yêu cầu mà đương sự đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất, đất tranh chấp tọa lạc tại xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 2, 5 và 9, Điều 26, điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 203 Luật đất đai 2013.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa, bà Võ Thị T là nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện gồm: (1) hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp giữa ông Võ Văn X và ông Võ Văn D vào năm 2008; (2) hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp giữa ông Võ Văn D và anh Võ Văn G vào năm 2014; (3) hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp giữa Ngân hàng N Việt Nam với anh Võ Văn G. Bà Võ Thị T, Võ Thị Thanh T, Võ Thị H, Võ Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Xét thấy, việc rút yêu cầu như trên của bà T, bà Thị T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà T và toàn bộ yêu cầu độc lập của bà T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H.

[3] Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất thuộc thửa 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp T, xã M thì tại phiên tòa, bà T có thay đổi yêu cầu, bà T xác định trước đây đã được ông X cho một nền nhà thuộc một phần thửa 1023, tờ bản đồ số 4 nhưng hiện nay anh G đứng tên toàn bộ thửa đất, do đó bà yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 214,1m² thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã M, đất trong phạm vi mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Anh G là bị đơn đồng ý yêu cầu của bà T và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và anh G. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự như trên là không trái luật và đạo đức xã hội, bởi lẽ: các đương sự có mặt tại phiên tòa đều thống nhất từ năm 1975, ông X đã cho bà T một phần đất thuộc thửa 1023 để cất nhà ở, bà T đã sử dụng đất này từ năm 1975 đến nay. Năm 2008, do đã già yếu nên ông X thực hiện thủ tục tặng cho con ruột là ông Võ Văn D diện tích đất thuộc thửa 1023, trong đó có phần đất đã cho bà T từ năm 1975. Đến năm 2014, ông D tiếp tục thực hiện thủ tục tặng cho con ruột là anh Võ Văn G. Các lần tặng cho như trên thì bà T, bà Thị T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H, bà X là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X không biết nhưng nay thống nhất việc tặng cho là đúng ý chí của ông X, bà K. Do đó, nay bà T, bà Thị T, bà Thanh T, bà H, bà Thu H, bà X xác định việc ông D, hiện nay là anh G được đứng tên quyền sử dụng đất tranh chấp là đúng nên nay anh G là người đứng tên quyền sử dụng đất có toàn quyền của người sử dụng đất theo quy định pháp luật. Trong vụ án còn có người thừa kế thế vị của ông Võ Hồng P và ông Võ Ngọc L (ông P, ông L là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X, bà K nhưng đã chết trước ông, bà), đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không có ý kiến, yêu cầu cũng không tham gia tố tụng, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xem như họ không phản đối ý kiến, yêu cầu của các đương sự khác. Hiện nay bà T đã cất nhà ở ổn

định trên đất, ngoài ra bà không có chỗ nào khác để ở nên anh G đồng ý cho bà T được quyền sử dụng diện tích 214,1m² thuộc một phần thửa đất số 1023, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã M, đất trong phạm vi mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, bà T được quyền đến cơ quan nhà nước đăng ký để được cấp quyền sử dụng theo quy định pháp luật là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của bà T và anh G.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự, đình chỉ xét xử đối với những yêu cầu mà đương sự đã rút là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bà T là người cao tuổi nên miễn nộp án phí, được trả lại tạm ứng án phí đã nộp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tổng cộng là 5.525.000 đồng bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 234 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 95, 100, 203 Luật đất đai 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Võ Thị T và anh Võ Văn G:

Bà Võ Thị T được sử dụng diện tích đất 214,1 m² trong phạm vi các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2, thuộc một phần thửa 1023, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Võ Văn G, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tứ cận, vị trí, số đo của diện tích đất 214,1 m² được xác định trong phạm vi các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 2, cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 1023 nối từ mốc 6 đến mốc 7 và mốc 2 có chiều dài 31,08m;
- Phía Nam giáp thửa 1053, nối từ mốc 3 đến mốc 4 và mốc 5 có chiều dài 31,41m;

- Phía Tây giáp phần còn lại thửa 1023 nối từ mốc 5 đến mốc 6 có chiều dài 5,59m;

- Phía Đông giáp lộ nhựa nối từ mốc 2 đến mốc 3 có chiều dài 7,04m.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thu hồi một phần quyền sử dụng đất diện tích 214,1 m² tại thửa 1023, tờ bản đồ số 4, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Võ Văn G để cấp lại cho bà Võ Thị T.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Mạnh trích đo địa chính số 01 - 2019 ngày 30/5/2019 và Sơ đồ mốc khu đất tranh chấp ngày 28/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh).

Hộ anh Võ Văn G và bà Võ Thị T được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn X với ông Võ Văn D năm 2008; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn D với anh Võ Văn G năm 2014 và hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh Võ Văn G với Ngân hàng N Việt Nam.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Võ Thị T, bà Võ Thị Thanh T, bà Võ Thị H và bà Võ Thị Thu H về yêu cầu chia thừa kế tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 780.000 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006238, ngày 22/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Trả lại cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.040.000 đồng (Một triệu bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006803, ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Trả lại cho bà Võ Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.040.000 đồng (Một triệu bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006800, ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.040.000 đồng (Một triệu bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006802, ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Trả lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.040.000 đồng (Một triệu bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0006801, ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Võ Thị T tự nguyện chịu số tiền 5.525.000 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bà T đã nộp và chi xong.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo